TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN TRỤ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/DS-ST
Ngày: 13/3/2018
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ
TỈNH LONG AN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quốc Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Mỹ Hương.

2/ Ông Phạm Văn Dự.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Võ Thị Thu Thủy – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Ngày 13 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 125/2017/TLST-DS, ngày 13 tháng 12 năm 2017, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐXXST-DS, ngày 29/01/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2018/QĐST-DS, ngày 13/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Lương Thị Út C; sinh năm 1965 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp 1, xã N, huyện B, tỉnh L.

2/ Bị đơn:

2.1/ Bà Phan Thị Kim T; sinh năm: 1975 (Vắng mặt); Địa chỉ: ấp X, xã T, huyện T, tỉnh L.

2.2/ Ông Phạm Văn N, sinh năm: 1970 (Vắng mặt); Địa chỉ: ấp X, xã T, huyện T, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện nộp ngày 06 tháng 12 năm 2017 và những lời trình bày tiếp theo của nguyên đơn, bà Lương Thị Út C, nội dung như sau:

Bà có cho vợ chồng bà Phan Thị Kim T và ông Phạm Văn N vay tiền 02 lần cụ thể như sau:

- Ngày 30/9/2012 vay 15.000.000đ;

- Ngày 10/10/2012 vay 25.000.000đ;

Lần vay tiền ngày 30/9/2012 hai bên không làm giấy biên nhận nên đến ngày 10/10/2012 khi bà T, ông N vay thêm 25.000.000đ thì hai bên mới làm giấy đối chiếu nợ (bao gồm cả 02 lần vay) với tổng số tiền là 40.000.000đ, nội dung này được ghi tại giấy vay tiền ngày 10/10/2012; khi vay hai bên không thỏa thuận thời hạn trả tiền, lãi suất cho vay là 1%/tháng nhưng không ghi trong giấy vay tiền.

Từ khi vay đến nay vợ chồng bà T, ông N không trả tiền lãi và tiền vốn cho bà nên bà đã nộp đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân xã T để giải quyết, tại buổi hòa giải ngày 09/11/2017 bà T thừa nhận còn nợ của bà 40.000.000đ nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi hết nợ, tuy nhiên yêu cầu trả nợ dần của bà T không được bà đồng ý.

Nay bà khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà T và ông N phải liên đới trả cho bà số tiền vốn vay 40.000.000đ, đối với số tiền lãi yêu cầu theo đơn khởi kiện là 25.200.000đ bà xin được rút lại.

2. Bị đơn, bà Phan Thị Kim T và ông Phạm Văn N vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn trình bày đã cung cấp đủ các chứng cứ, không cung cấp chứng cứ gì thêm. Đồng thời thay đổi ý kiến là rút lại yêu cầu trả số tiền lãi mà chỉ yêu cầu bà T và ông N trả lại số tiền vốn vay là 40.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Lương Thị Út C khởi kiện yêu cầu bà Phan Thị Kim T và ông Phạm Văn N trả số tiền vốn đã vay vào ngày 10/10/2012 nên áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết. Thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bà Phan Thị Kim T và ông Phạm Văn N đã được Tòa án tiến hành thủ tục niêm yết công khai quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa

theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà T và ông N theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Mặc dù bà Phan Thị Kim T và ông Phạm Văn N vắng mặt nhưng đã được Tòa án niêm yết đầy đủ các thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên hòa giải và quyết định đưa vụ án ra xét xử. Trong các thông báo và quyết định này có nêu rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đồng thời Tòa án cũng niêm yết công khai các chứng cứ nguyên đơn nộp kèm theo đơn khởi kiện gồm: Giấy vay tiền ngày 10/10/2012 và biên bản hòa giải của Ủy ban nhân dân xã T, ngày 09/11/2017. Sau khi niêm yết công khai các văn bản tố tụng và các tài liệu chứng cứ nêu nêu trên, bà T và ông N cũng không có ý kiến phản đối gì. Do đó Hội đồng xét xử xác định đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: *"Một bên thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, ... mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*. Vì vậy, căn cứ vào nội dung giấy vay tiền và biên bản hòa giải của Ủy ban nhân dân xã T, Hội đồng xét xử xác định hiện bà T và ông N còn nợ của bà Út C số tiền vốn vay là 40.000.000đ. Nay bà Út C yêu cầu bà T và ông N liên đới trả 40.000.000đ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Đối với việc rút yêu cầu khởi kiện về tiền lãi của bà Lương Thị Út C, đây là ý chí tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử đình chỉ phần rút lại yêu cầu này.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do buộc bà Phan Thị Kim T và ông Phạm Văn N trả tiền cho bà Lương Thị Út C nên bà T và ông N phải liên đới chịu án phí trên số tiền phải trả cho bà Út C 40.000.000đ x 5%. Bà Lương Thị Út C không phải chịu án phí đối với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, các Điều 35, 39, 147, 217, 218, 228, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 471, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Buộc bà Phan Thị Kim T và ông Phạm Văn N phải liên đới trả cho bà Lương Thị Út C số tiền vốn vay là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng). Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của bà Lương Thị Út C, nếu chậm thi hành, bà Phan Thị Kim T và ông Phạm Văn N còn phải liên đới trả thêm tiền lãi cho bà Lương Thị Út C theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị Út C về việc yêu cầu bà Phan Thị Kim T và ông Phạm Văn N trả số tiền lãi là 25.200.000đ do bà Lương Thị Út C rút yêu cầu khởi kiện. Bà Lương Thị Út C được quyền khởi kiện lại vụ án đối với số tiền đình chỉ này.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Phan Thị Kim T và ông Phạm Văn N phải liên đới chịu 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

- Bà Lương Thị Út C không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà Lương Thị Út C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.630.000đ (Một triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng) theo biên lai số 04958, ngày 13/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được cấp, tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND Tỉnh.
-VKSND Huyện.
-THA DS Huyện.
-Các đương sự.
- Lưu.

TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Đỗ Quốc Dũng